

BẢN KÊ KHAI HÀNG NĂM TÀI SẢN, THU NHẬP CÁ NHÂN
(Ngày 10 tháng 12 năm 2024)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: NGUYỄN VĂN TẬP Ngày tháng năm sinh: 26/09/1983.
- Chức vụ/chức danh công tác: Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng.
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường PTDTNT THP huyện Nậm Pồ.
- Nơi thường trú: Bản Mới, xã Chà Cang, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 024083001439, ngày cấp: 10/04/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội-Bộ Công an.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Lèng Thị Minh Ngày tháng năm sinh: 29/01/1983
- Nghề nghiệp: Lao động tự do.
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Bản Mới, xã Chà Cang, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên.
- Nơi thường trú: Bản Mới, xã Chà Cang, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 01183000407, ngày cấp: 10/04/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội- Bộ Công an.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Nguyễn Minh Ngọc. Ngày tháng năm sinh: 29/08/2009
- Nơi thường trú: Bản Mới, xã Chà Cang, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 011209003055, ngày cấp: 12/10/2023, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an.

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

- Họ và tên: Nguyễn Minh Ngọc Bảo. Ngày tháng năm sinh: 07/08/2014
- Nơi thường trú: Bản Mới, xã Chà Cang, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 011214006432, ngày cấp: 22/08/2024, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội-Bộ Công an.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Bản Mới, xã Chà Cang, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên.
- Diện tích⁽⁹⁾: 618 m² Giá trị⁽¹⁰⁾: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng chẵn)
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: CH01120, ngày 10/01/2022 do UBND huyện Nậm Pồ cấp.
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác: Không

1.2.1. Thừa thứ nhất:



- Loại đất: Địa chỉ:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Không

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Bản Mới, xã Chà Cang, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên.

- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà cấp IV.

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 120 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng chẵn)

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Chưa có

- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: Không.

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình: Địa chỉ:.....

- Loại công trình: cấp công trình:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: Không.

- Loại cây: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại cây: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng: Diện tích: Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng: Diện tích: Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: Không.

- Tên gọi: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: Không.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: 850 triệu đồng tích lũy từ lương và thu nhập hàng năm của hai vợ chồng.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không.

6.1. Cổ phiếu: Không.

- Tên cổ phiếu: Số lượng: Giá trị:

- Tên cổ phiếu: Số lượng: Giá trị:

6.2. Trái phiếu: Không.

- Tên trái phiếu: Số lượng: Giá trị:

- Tên trái phiếu: Số lượng: Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: Không.

- Hình thức góp vốn: Giá trị:

- Hình thức góp vốn: Giá trị:

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác ⁽²³⁾: Không

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾: Không.

- Tên tài sản: Ô tô con Toyota Vios/2021 bản GR-S. Số đăng ký: 27A 07031 Giá trị: 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng ở thời điểm mua mới).

- Tên tài sản: Số đăng ký: Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: Không.

- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:

- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: Không.

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không.

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾ (So với kê khai lần trước tháng 12//2023)

- Tổng thu nhập của người kê khai: 270.571.582 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu, năm trăm bảy mươi nghìn, năm trăm tám hai đồng).

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 108.000.000 đồng (Một trăm linh tám triệu đồng triệu đồng chẵn)

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không.

- Tổng các khoản thu nhập chung: Không.

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾: (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này)

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác. 3. Tài sản khác gắn liền với đất			

